

Số: 25

Ngày 24/6/2024

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 25 xin giới thiệu các nội dung đáng chú ý sau:

➤ Ngày 18/6/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 93/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô.

➤ Nghị định 65/2024/NĐ-CP quy định gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 5, tháng 6, tháng 7, tháng 8 và tháng 9 năm 2024 đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước. Thời gian gia hạn kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế đến hết ngày 20/11/2024

➤ Nghị định 64/2024/NĐ-CP gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2024. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 17/6/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

➤ Bản tin tuần này xin giới thiệu đến các đơn vị 02 văn bản trên bàn soạn thảo: Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất mà đất đó không phải là đất ở và dự thảo Thông tư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật.

Trân trọng giới thiệu cùng các đơn vị.

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. ĐẨY MẠNH XÃ HỘI HÓA CÁC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

Ngày 18/6/2024, Chính phủ ban hành Nghị quyết 91/NQ-CP về việc đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công. Cụ thể như sau:

Hoàn thiện các chính sách ưu đãi khuyến khích xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công: Các Bộ, ngành theo chức năng, lĩnh vực quản lý thực hiện tổng kết, đánh giá, rà soát các chính sách ưu đãi, khuyến khích lĩnh vực xã hội hóa và có văn bản đề xuất bổ sung các chính sách ưu đãi để đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công, bao gồm cả việc bổ sung, nghiên cứu quy định riêng về ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất khác với mức ưu đãi dành cho dự án đầu tư; giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng các chính sách ưu đãi về đất đai tại các Nghị định quy định chi tiết Luật Đất đai cho phù hợp; giao các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương rà soát, sửa đổi, đơn giản hoá các thủ tục hành chính liên quan đến việc thành lập các cơ sở ngoài công lập, giao đất, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

Giao các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các địa phương rà soát, hoàn thiện và trình cấp có thẩm quyền ban hành các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước theo nguyên tắc: Nhà nước đảm bảo kinh phí đối với các dịch vụ thiết yếu, hỗ trợ kinh phí đối với các dịch vụ cơ bản; các dịch vụ công

khác không sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước, xác định giá theo cơ chế thị trường, đơn vị được quyết định các khoản thu, mức thu bảo đảm bù đắp chi phí hợp lý, có tích lũy để thu hút nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế ngoài công lập tham gia cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; thực hiện cơ chế đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định của pháp luật đối với các dịch vụ mang tính đặc thù của một số ngành, lĩnh vực để tạo điều kiện cho các cơ sở ngoài công lập cùng tham gia.

Giao Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo chức năng, lĩnh vực được phân công, chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương thực hiện lộ trình cơ chế giá thị trường có sự quản lý của Nhà nước đối với giá các dịch vụ sự nghiệp công quan trọng như y tế, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 18/6/2024.

2. THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG, KIỂM SOÁT LẠM PHÁT, ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ

Ngày 18/6/2024, Chính phủ ban hành Nghị quyết 93/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô.

Theo đó, phấn đấu tốc độ tăng trưởng GDP đạt cận trên chỉ tiêu Quốc hội giao (6 – 6,5%). Chính phủ đặt mục tiêu tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với củng cố, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm

soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Điều hành hài hòa, hiệu quả, cân bằng hợp lý giữa tăng trưởng và kiểm soát lạm phát; phân đấu tốc độ tăng trưởng GDP đạt cận trên chỉ tiêu Quốc hội giao (6 - 6,5%), kiểm soát tốc độ tăng CPI đạt cận dưới chỉ tiêu Quốc hội giao (4 - 4,5%). Điều hành chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm; phối hợp đồng bộ, hài hòa, chặt chẽ với chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả và các chính sách khác; tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp. Kiểm soát chặt chẽ bội chi, nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia trong giới hạn cho phép theo Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Quốc hội.

Nhằm tập trung hoàn thiện thể chế, pháp luật để tháo gỡ ngay các khó khăn, vướng mắc, Chính phủ đề ra các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, trong đó, nhiệm vụ đầu tiên là tập trung hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, giải phóng nguồn lực cho thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội:

Các Bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền khẩn trương: Hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành các Nghị định quy định chi tiết và ban hành theo thẩm quyền các Thông tư, văn bản hướng dẫn, bảo đảm đồng thời với hiệu lực của các Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh Bất động sản, Luật Giá, Luật các tổ chức tín dụng; rà soát các văn bản pháp luật, nhất là Luật Ngân sách Nhà nước, Luật quản lý nợ công, Luật Đầu tư theo

phương thức đối tác công tư, các Luật thuế, Luật Dược ... và các văn bản hướng dẫn, xác định các vướng mắc, điểm nghẽn cần tập trung tháo gỡ ở tầm luật, gửi Bộ Tư pháp trong tháng 7 năm 2024 để tổng hợp; Bộ Kế hoạch và Đầu tư khẩn trương nghiên cứu, đề xuất Chính phủ đề báo cáo Quốc hội về việc sửa đổi Luật Đầu tư công tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội Khóa XV...

Tiếp tục ưu tiên cho tăng trưởng; điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả; phối hợp đồng bộ, hài hòa, chặt chẽ với chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm; tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp.

Ngân hàng Nhà nước sử dụng hiệu quả các công cụ điều hành để điều tiết tỷ giá, lãi suất, phù hợp với diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô và mục tiêu đề ra, đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế; tăng cường thanh tra, kiểm tra, sát, kiểm soát rủi ro nợ xấu, triển khai hiệu quả các biện pháp xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng;

Bộ Xây dựng theo dõi sát tình hình, tăng cường phối hợp với cơ quan, địa phương liên quan, chủ động có giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, xử lý hiệu quả các vấn đề đặt ra đối với thị trường bất động sản...

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/6/2024.

3. GIA HẠN NỢ THUẾ VÀ TIỀN THUẾ ĐẤT ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2024

Ngày 17/6/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 64/2024/NĐ-CP gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2024.

Đối với thuế giá trị gia tăng (trừ thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu): Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế giá trị gia tăng phát sinh phải nộp (bao gồm cả số thuế phân bổ cho các địa phương cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính, số thuế nộp theo từng lần phát sinh) của kỳ tính thuế từ tháng 5 đến tháng 9/2024 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo tháng) và kỳ tính thuế quý II/2024, quý III/2024 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo quý) của các doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng được gia hạn.

Thời gian gia hạn là 05 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng của tháng 5/2024, tháng 6/2024 và quý II/2024, thời gian gia hạn là 04 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng của tháng 7/2024, thời gian gia hạn là 03 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng của tháng 8/2024, thời gian gia hạn là 02 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng của tháng 9/2024 và quý III/2024.

Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp: Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của quý II kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024 của doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng được gia hạn; thời gian gia hạn là 03 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế; trường

hợp doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng được gia hạn có các chi nhánh, đơn vị trực thuộc thực hiện khai thuế thu nhập doanh nghiệp riêng với cơ quan thuế quản lý trực tiếp của chi nhánh, đơn vị trực thuộc thì các chi nhánh, đơn vị trực thuộc cũng thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh: Gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với số tiền thuế phải nộp phát sinh năm 2024 của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoạt động trong các ngành kinh tế, lĩnh vực nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 3 Nghị định 64/2024/NĐ-CP; hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp số tiền thuế được gia hạn tại khoản này chậm nhất là ngày 30/12/2024.

Đối với tiền thuê đất: Gia hạn thời hạn nộp tiền thuê đất đối với 50% số tiền thuê đất phát sinh phải nộp năm 2024 (số phải nộp kỳ thứ hai năm 2024) của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được gia hạn đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm; thời gian gia hạn là 02 tháng kể từ ngày 31/10/2024.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2024.

4. GIA HẠN NỘP THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI Ô TÔ SẢN XUẤT, LẮP RÁP TRONG NƯỚC

Ngày 17/6/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 65/2024/NĐ-CP gia

hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước. Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 5, tháng 6, tháng 7, tháng 8 và tháng 9 năm 2024 đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước. Thời gian gia hạn kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế đến hết ngày 20/11/2024, cụ thể như sau: Thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 5 năm 2024 chậm nhất là ngày 20/11/2024; thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 6 năm 2024 chậm nhất là ngày 20/11/2024; thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 7 năm 2024 chậm nhất là ngày 20/11/2024; thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 8 năm 2024 chậm nhất là ngày 20/11/2024; thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng 9 năm 2024 là ngày 20/11/2024.

Trường hợp người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế được gia hạn dẫn đến làm tăng số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp và gửi đến cơ quan thuế trước khi hết thời hạn được gia hạn thì số thuế được gia hạn bao gồm cả số thuế phải nộp tăng thêm do khai bổ sung.

Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng được gia hạn thực hiện kê khai, nộp Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của pháp luật hiện hành thì chưa phải nộp số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh trên

Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt đã kê khai trong thời gian được gia hạn.

Trường hợp doanh nghiệp có các chi nhánh, đơn vị trực thuộc thực hiện khai thuế tiêu thụ đặc biệt riêng với cơ quan thuế quản lý trực tiếp của chi nhánh, đơn vị trực thuộc thì các chi nhánh, đơn vị trực thuộc cũng thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

Trường hợp chi nhánh, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp không có hoạt động sản xuất hoặc lắp ráp ô tô thì chi nhánh, đơn vị trực thuộc không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2024.

5. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA TÂN TRANG THEO HIỆP ĐỊNH EVFTA, UKVFTA

Ngày 17/6/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định 66/2024/NĐ-CP về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Nghị định về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu và Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.

Theo đó, hàng hóa tân trang nhập khẩu phải đáp ứng các điều kiện sau: Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA do cơ quan cấp phép cấp theo quy định tại Nghị định này; đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA; đồng thời, khi đưa ra lưu

thông trên thị trường, trên nhãn gốc hoặc nhãn phụ của hàng hóa tân trang phải thể hiện bằng tiếng Việt cụm từ "Hàng hóa tân trang" ở vị trí và với kích cỡ có thể nhìn thấy và đọc được bằng mắt thường.

Thương nhân nhập khẩu hàng hóa tân trang phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ và tài liệu xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền. Tổ chức làm việc và cung cấp các hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan cấp phép và các cơ quan liên quan khi cơ quan tiến hành kiểm tra việc thực thi quy định tại Nghị định này.

Trước ngày 30/01 hàng năm, thương nhân nhập khẩu hàng hóa tân trang phải báo cáo cơ quan cấp phép và Bộ Công Thương bằng văn bản theo phương thức gửi trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có áp dụng) về tình hình nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA của năm trước đó.

Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 17/6/2024.

6. QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG TRUNG ƯƠNG

Ngày 12/6/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 500/QĐ-TTg về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương. Theo đó, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương là tổ chức phối hợp liên ngành, có chức năng tham mưu, tư vấn cho Đảng và Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng. Hội đồng gồm có

Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Hội đồng.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Thực hiện sự phối hợp giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội và các địa phương trong việc tham mưu, đề xuất chủ trương, chính sách về tổ chức phong trào thi đua và công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi cả nước; định kỳ đánh giá phong trào thi đua và công tác khen thưởng; kiến nghị, đề xuất chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước; tham mưu tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; đề xuất sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách về thi đua, khen thưởng, kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng; hướng dẫn tổ chức hoạt động và bình xét thi đua của cụm thi đua, khối thi đua do Hội đồng tổ chức; xem xét, cho ý kiến bằng hình thức bỏ phiếu đối với các danh hiệu vinh dự nhà nước “Tình Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động” theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng để tham mưu, tư vấn cho cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Hội đồng họp định kỳ 06 tháng một lần để đánh giá công tác của Hội đồng, tổng hợp tình hình phong trào thi đua và công tác khen thưởng của cả nước; đề xuất phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng tiếp theo và cho ý kiến giải quyết những vấn đề cần thiết khác. Hội đồng có thể họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng triệu tập.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 12/6/2024.

7. TRIỂN KHAI PHONG TRÀO THI ĐUA “CHUNG TAY XÓA NHÀ TẠM, NHÀ DỘT NÁT”

Ngày 19/6/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 539/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua "Chung tay xóa nhà tạm, nhà đột nát trên phạm vi cả nước trong năm 2025". Phong trào thi đua được triển khai thực hiện từ tháng 4/2024 và tổng kết vào cuối năm 2025 với các nội dung sau:

Thi đua huy động, vận động các nguồn lực của Nhà nước, của xã hội, doanh nghiệp, của toàn dân thực hiện thành công mục tiêu xóa nhà tạm, nhà đột nát trên phạm vi cả nước trong năm 2025 với sự chia sẻ trách nhiệm giữa Nhà nước, xã hội và người dân; thi đua xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp, hiệu quả, góp phần thực hiện thành công các Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025; thi đua xây dựng các công trình xóa nhà tạm, nhà đột nát đảm bảo an toàn, có chất lượng, có khả năng

chống chịu tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, phù hợp với điều kiện, đặc điểm, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán của dân tộc, các vùng miền và đúng đối tượng thụ hưởng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững; thi đua sử dụng hiệu quả các nguồn lực, bảo đảm công bằng, dân chủ, công khai, minh bạch, đúng quy định, không tham nhũng, tiêu cực, lãng phí với nguyên tắc hỗ trợ đến từng hộ gia đình, phù hợp với điều kiện thực tiễn và gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương; thi đua thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong xã hội để mọi tầng lớp nhân dân ủng hộ và chia sẻ trách nhiệm với Nhà nước trong chung tay xóa nhà tạm, nhà đột nát trên phạm vi cả nước trong năm 2025.

Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục hoàn thiện, ban hành các cơ chế, chính sách và các văn bản quy định pháp luật trong hỗ trợ xóa nhà tạm, đột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu và gia đình người có công.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 19/6/2024.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

8. SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT

Ngày 12/6/2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư 10/2024/TT-BKHĐT sửa đổi một số điều của Thông tư 09/2021/TT-

BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất, Thông tư 10/2022/TT-

BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Theo đó, yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư và công bố danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định 25/2020/NĐ-CP được thực hiện như sau:

Đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan tổ chức đấu thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 32 Nghị định 31/2021/NĐ-CP; căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan xác định yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trước khi công bố danh mục dự án; đối với dự án thực hiện tại khu kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Ban quản lý khu kinh tế tổ chức xác định, phê duyệt yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư trước khi công bố danh mục dự án.

Đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban Quản lý khu kinh tế (đối với dự án thực hiện tại khu kinh tế) là cơ quan tổ chức đấu thầu theo quy định tại khoản 6 Điều 33 Nghị định 31/2021/NĐ-CP; căn cứ Quyết định chấp thuận chủ

trương đầu tư dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan xác định yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trước khi công bố danh mục dự án; đối với dự án thực hiện tại khu kinh tế, Ban quản lý khu kinh tế tổ chức xác định, phê duyệt yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư trước khi công bố danh mục dự án.

Doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án theo quy định tại khoản 5 Điều 57 Nghị định 25/2020/NĐ-CP được kế thừa quyền và nghĩa vụ thực hiện dự án đầu tư mà nhà đầu tư trúng thầu đã cam kết tại hồ sơ dự thầu và phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư, xây dựng, đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản và pháp luật có liên quan (nếu có).

Thông tư có hiệu lực từ ngày 26/7/2024.

9. BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CÔNG BỐ THỦ TỤC GIA HẠN CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ VỀ ĐẤU THẦU

Ngày 14/6/2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Quyết định 1351/QĐ-BKHĐT công bố thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó, thủ tục gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu như sau:

Gia hạn hiệu lực chứng chỉ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 15 ngày trước ngày hết hiệu lực chứng chỉ. Sau thời hạn này, cá nhân không

được đăng ký gia hạn hiệu lực chứng chỉ và phải dự thi, cấp chứng chỉ lần đầu theo Thông tư; Cục Quản lý đấu thầu ban hành quyết định cấp chứng chỉ, Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành quyết định cấp chứng chỉ; cá nhân được cấp gia hạn hiệu lực chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định cấp gia hạn chứng chỉ.

Hồ sơ gia hạn gồm có: Đơn đề nghị cấp gia hạn; 01 ảnh màu mới chụp không quá 06 tháng, cỡ 3cm x

4cm, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, rõ mặt, rõ hai tai, không đeo kính, trang phục lịch sự.

Thời gian giải quyết hồ sơ tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày quyết định cấp gia hạn chứng chỉ. Chi phí cấp gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu 100.000 đồng/lần (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 14/6/2024.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

1. ĐỀ XUẤT THÍ ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN NHÀ Ở THƯƠNG MẠI THÔNG QUA THỎA THUẬN VỀ NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT HOẶC ĐANG CÓ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT MÀ ĐẤT ĐÓ KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT Ở

Bộ Tài nguyên và Môi trường đang lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất mà đất đó không phải là đất ở.

Đất để thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất là các loại đất theo quy định tại Điều 9 của Luật Đất đai năm 2024 mà đủ điều kiện chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai. Đất do doanh nghiệp kinh doanh bất động sản đang có quyền sử dụng thuộc một hoặc bao gồm đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp không phải đất ở. Trường hợp dự án nhà ở

thương mại cần mở rộng diện tích so với diện tích đất doanh nghiệp đang có quyền sử dụng đất thì doanh nghiệp thực hiện thỏa thuận nhận quyền sử dụng đất đối với loại đất quy định tại khoản 1 Điều này để có đất thực hiện dự án. Trường hợp trong khu đất thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua hình thức nhận quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều này có diện tích đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý mà không đủ điều kiện để tách thành dự án độc lập thì Nhà nước thu hồi đất thực hiện giao đất, cho thuê đất cho nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, không thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất. Trường hợp người sử dụng đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất nhưng đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì được thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều này mà không cần thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trước khi chuyển quyền.

Dự kiến, Nghị quyết áp dụng từ 01/01/2025 và được thực hiện trong 05 năm. Trình tự, thủ tục thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất mà đất đó không phải là đất ở quy định tại Nghị quyết này được thực hiện như trường hợp thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 và các văn bản quy định chi tiết thi hành. Sau khi Nghị quyết này hết hiệu lực, doanh nghiệp kinh doanh bất động sản đang thực hiện dự án thí điểm thì được tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc dự án. Người nhận quyền sử dụng đất ở, nhà ở và tài sản là công trình xây dựng gắn liền với đất trong dự án thí điểm thì có quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản theo quy định của pháp luật.

2. DỰ THẢO QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG, LỚP DÀNH CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT

Để hỗ trợ cho học sinh khuyết tật được tiếp cận giáo dục và học tập phù hợp với khả năng, nhu cầu; Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng dự thảo Thông tư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật.

Dự thảo gồm 7 Chương với 30 Điều quy định về tổ chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật. Quy chế này áp dụng đối với các trường, lớp dành cho người khuyết tật gọi là trường chuyên biệt, lớp chuyên biệt. Học sinh khuyết tật trong Trường chuyên biệt, Lớp chuyên biệt là những học sinh chưa thể tham gia giáo dục hòa nhập có hiệu quả do cần những yêu cầu đặc biệt trong việc tổ chức dạy và học mà các cơ sở giáo dục đại trà không thể đáp ứng được.

Theo đó, lớp chuyên biệt là lớp học của học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục chuyên biệt được tổ chức cùng với các học sinh khác trong các trường mẫu giáo, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên trong hệ thống trong hệ thống giáo dục quốc dân. Lớp chuyên biệt có quyền hạn, nhiệm vụ như các lớp học khác tương ứng trong mẫu giáo, cơ sở giáo dục phổ thông hoặc trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên.

Trường chuyên biệt có nhiệm vụ, quyền hạn như một cơ sở giáo dục phổ thông tương ứng với cấp học và loại hình mà Trường chuyên biệt đó được được phép tổ chức hoạt động

giáo dục. Trường chuyên biệt là cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân cho một số đối tượng học sinh khuyết tật cần các yêu cầu giáo dục đặc biệt theo phương thức giáo dục chuyên biệt với mục tiêu bảo đảm quyền được tham gia giáo dục

bắt buộc và phổ cập giáo dục, từ đó mở ra cơ hội học tập và học tập suốt đời đối với các học sinh này. Trường chuyên biệt được tổ chức theo hai loại hình công lập và tư thục. Trường chuyên biệt có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Đối tượng được xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng”?

Trả lời: Theo khoản 2 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BNV của Bộ Nội vụ ban hành ngày 12/6/2024 quy định đối tượng áp dụng xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” là Thanh niên xung phong có thành tích trong các cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, hoàn thành nhiệm vụ, có thời gian tại ngũ từ đủ 24 tháng trở lên; Thanh niên xung phong hy sinh khi làm nhiệm vụ trong các cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, đã được công nhận liệt sĩ; Tổ chức, cá nhân liên quan tới hoạt động xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” và việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến.

2. Hỏi: Hướng dẫn về việc xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng”?

Trả lời: Theo Điều 2 Thông tư số 02/2024/TT-BNV của Bộ Nội vụ ban hành ngày 12/6/2024 quy định đối với Thanh niên xung phong đã được công nhận liệt sĩ, hồ sơ đề nghị truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” được nộp tại nơi cư trú của thân nhân Thanh niên xung phong. Trường hợp hồ sơ

đề nghị xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” không hợp lệ hoặc cần bổ sung đầy đủ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn Thanh niên xung phong hoặc thân nhân của Thanh niên xung phong hoàn thiện hồ sơ và nộp hồ sơ đúng quy định.

Tại các địa điểm vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, danh sách cá nhân đề nghị xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” ngoài việc niêm yết công khai theo quy định tại Nghị định số 28/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ thì thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã. Sở Nội vụ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải có ý kiến về các hình thức khen thưởng Thanh niên xung phong đã được tặng thưởng được khai tại Bản khai đề nghị tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong” và báo cáo các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn trước Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh khi họp xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng”.

Thanh niên xung phong đã hy sinh, tử trận, sau khi được Chủ tịch nước quyết định truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về

vang”, việc tổ chức trao tặng được thực hiện tại nơi thân nhân Thanh niên xung phong sinh sống.

3. Hỏi: *Hướng dẫn việc xét khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến?*

Trả lời: Theo Điều 3 Thông tư số 02/2024/TT-BNV của Bộ Nội vụ ban hành ngày 12/6/2024 quy định việc xét, đề nghị khen thưởng thành tích kháng chiến phải đảm bảo chính xác, khách quan, có đủ căn cứ pháp lý, khen thưởng đúng người, đúng thành tích. Khi thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng thành tích kháng chiến cần lưu ý đến mức độ thành tích; cá nhân được đề nghị khen thưởng thành tích kháng chiến thì phải tham gia kháng chiến tích cực và liên tục, đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Điều lệ khen thưởng thành tích kháng chiến và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Việc thẩm định hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền xét, đề nghị khen thưởng thành tích kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ phải thực hiện theo các quy định của Điều lệ khen thưởng thành tích kháng chiến chống Pháp ban hành kèm theo Nghị quyết số 6-NQ/TVQH ngày 29/8/1960 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều lệ khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến chống Mỹ ban hành kèm theo Nghị quyết 47-NQ/HĐNN7 ngày 29/9/1981 của Hội đồng Nhà nước và các văn bản hướng dẫn đã được ban hành.

4. Hỏi: *Hướng dẫn việc khen thưởng thành tích kháng chiến chống Mỹ?*

Trả lời: Theo Điều 4 Thông tư số 02/2024/TT-BNV của Bộ Nội vụ

ban hành ngày 12/6/2024 quy định Đối với đề nghị khen thưởng của cán bộ chủ chốt và nhân viên ban ngành xã ở miền Bắc thì căn cứ vào danh sách cán bộ nhân viên các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và hợp tác xã từ ngày 20/7/1954 đến ngày 30/4/1975 được xây dựng làm căn cứ khen thưởng (Danh sách nhân sự địa phương đã được lập theo quy định). Không sử dụng xác nhận của cá nhân làm căn cứ khen thưởng, chỉ sử dụng như tài liệu tham khảo. Đối với đề nghị khen thưởng của quân nhân phục viên, xuất ngũ phải có quyết định phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành; trong trường hợp đã mất giấy tờ thì có thể lấy giấy xác nhận của Ban chỉ huy quân sự cấp huyện (hoặc đơn vị quản lý cũ) về quá trình tại ngũ trong đó ghi rõ căn cứ vào tài liệu nào, quyển sổ bao nhiêu, số thứ tự trong danh sách; ngày nhập ngũ, ngày xuất ngũ, thời gian tham gia chiến trường B, C, K (nếu có) và ngày, tháng, năm được biên chế vào đơn vị hoặc đăng ký quân dự bị tại Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, kèm theo bản sao danh sách có tên của người được xác nhận (bản photocopy có dấu của Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện hoặc đơn vị quản lý cũ). Đối với đề nghị khen thưởng của đảng viên phải có bản sao y Lý lịch đảng viên và xác nhận về việc sinh hoạt Đảng của đảng viên của Đảng ủy cơ sở nơi quản lý đảng viên đó. Không sử dụng bản sao y lý lịch đảng viên do Ủy ban nhân dân xã, phường xác nhận. Đối với đề nghị khen thưởng của cán bộ công nhân viên phải có lý lịch cán bộ, công nhân viên, quyết định hưu trí, thôi việc, mất sức lao động hoặc

Sổ lao động. Cán bộ công nhân viên, quân nhân...phải có giấy xác nhận của các cơ quan đã từng công tác từ năm 1983 đến nay về quá trình công tác, khen thưởng, kỷ luật và lý do chưa được khen thưởng kháng chiến. Nếu chỉ có quyết định hưu trí, thôi việc, mất sức lao động hoặc Sổ lao động thì chưa đủ căn cứ. Nếu người đó chỉ công tác tại một cơ quan từ khi triển khai khen thưởng đến nay thì Hội đồng thi đua, khen thưởng cơ sở phải nêu lý do chưa được xét khen thưởng. Những người dưới 18 tuổi chỉ được công nhận và xét khen thưởng thành tích tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước khi tham gia vào tổ chức và được tổ chức công nhận có trong biên chế mà người đó đã tham gia hoạt động. Những người dưới 18 tuổi, không phải là người hoạt động trong tổ chức kháng chiến thì không thuộc đối tượng xét, khen thưởng thành tích kháng chiến. Đối với những người giúp đỡ kháng chiến trong Bản khai thành tích của cá nhân và các xác nhận nêu cụ thể việc giúp đỡ kháng chiến theo đúng quy định. Xác nhận của tập thể, cá nhân là cán bộ phụ trách, là người giao nhiệm vụ, người cùng tham gia, người chắc chắn biết rõ việc giúp đỡ kháng chiến đối với người kê khai thành tích phải phù hợp với tư liệu trong “Lịch sử kháng chiến ở địa phương” hoặc “Lịch sử Đảng bộ ở địa phương”. Hồ sơ đề nghị khen thưởng phải có giấy xác nhận của địa phương nơi cư trú về việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và Biên bản của Hội đồng khen thưởng

kháng chiến cơ sở xã, phường xét duyệt./.